

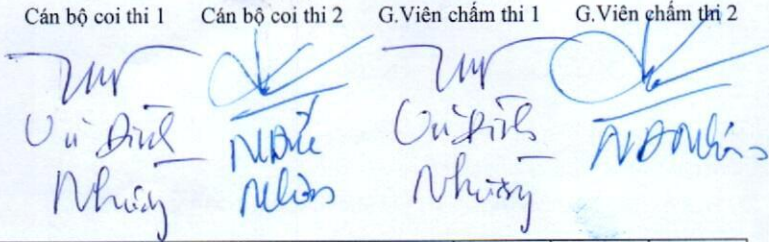
DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

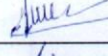
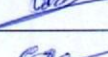
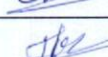
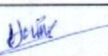
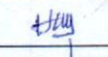
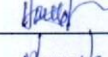
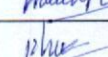
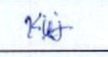
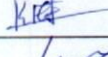
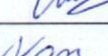
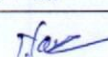
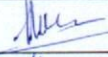
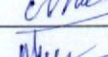
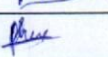
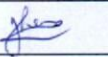
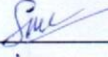
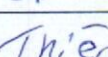
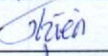
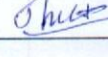
Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22832401] - Thực tập hệ thống
điều hòa không khí trung tâm (CCQ2218A)
CBGD: BỘ MÔN ĐIỆN LẠNH (TG280096)

Số SV có mặt: 39
Số bài thi: 39
Số tờ giấy thi:.....

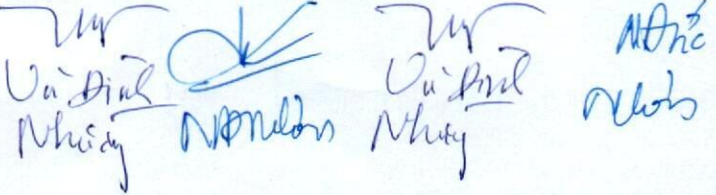


STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122180006	Cao Ngọc	Cường	21/04/2003	CCQ2218A			9.0	8.0	8.4
2	2122180057	Võ Trương	Đông	01/01/2004	CCQ2218B			9.0	9.0	9.0
3	2122180047	Phan Phú	Gia	26/12/2002	CCQ2218B			9.0	8.5	8.7
4	2122180052	Trần Văn	Giang	08/03/2004	CCQ2218B			9.5	9.0	9.2
5	2122180021	Lê Hoàng Phúc	Hậu	19/03/2004	CCQ2218A			9.0	8.0	8.4
6	2122180016	Huỳnh Bảo	Hưng	17/09/2004	CCQ2218A			9.0	9.0	9.0
7	2122180065	Nguyễn Nhất	Huy	26/11/2003	CCQ2218B			8.5	9.0	8.8
8	2122180020	Nguyễn	Huỳnh	10/05/2004	CCQ2218A			9.0	8.0	8.4
9	2122180034	Nguyễn Thái	Khênh	29/08/2003	CCQ2218A			8.0	9.0	8.6
10	2122180041	Nguyễn Hoàng	Khôi	08/03/2004	CCQ2218B			9.0	8.5	8.7
11	2122180062	Nguyễn Hữu	Kiên	09/11/2003	CCQ2218B			9.5	9.5	9.5
12	2122180042	Nguyễn Huỳnh Tuấn	Kiệt	23/03/2004	CCQ2218B			9.5	9.0	9.2
13	2122180012	Phạm Minh	Kiệt	01/06/2004	CCQ2218A			10.0	8.5	9.1
14	2122180004	Nguyễn Khánh	Linh	03/07/2004	CCQ2218A			10.0	8.0	8.8
15	2122180002	Nguyễn Phương	Nam	18/06/2003	CCQ2218A			10.0	9.0	9.4
16	2122180054	Trần Văn	Nam	03/08/2004	CCQ2218B			9.5	8.5	8.9
17	2122180053	Nguyễn Tấn	Nghĩa	18/12/2003	CCQ2218B			8.0	8.0	8.0
18	2122180037	Phạm Văn	Nhon	05/11/2004	CCQ2218B			9.5	8.5	8.9
19	2122180025	Nguyễn Trung	Nhuận	08/12/2004	CCQ2218A			10.0	9.0	9.4
20	2122180003	Nguyễn Minh	Nhựt	28/10/2004	CCQ2218A			9.0	9.0	9.0
21	2122180028	Nguyễn Dương Tấn	Phát	05/02/2004	CCQ2218A			10.0	8.0	8.8
22	2122180014	Trần Thanh	Phong	17/03/2004	CCQ2218A			10.0	9.0	9.4
23	2122180009	Phạm Tấn	Sinh	15/07/2004	CCQ2218A			10.0	9.0	9.4
24	2122180001	Phạm Huỳnh Nhật	Tân	15/10/2000	CCQ2218A			10.0	8.5	9.1
25	2122180031	Lê Thanh	Thế	22/02/2004	CCQ2218A			9.0	9.0	9.0
26	2122180048	Võ Văn	Thiên	12/08/2004	CCQ2218B			9.0	8.5	8.7
27	2122180064	Bùi Ngọc	Thiện	04/10/2004	CCQ2218B			9.0	9.0	9.0
28	2122180046	Nguyễn Văn	Thiệt	13/11/2004	CCQ2218B			10.0	9.0	9.4

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2



Môn học : [22832401] - Thực tập hệ thống
điều hòa không khí trung tâm (CCQ2218A)
CBGD: BỘ MÔN ĐIỆN LẠNH (TG280096)

Số SV có mặt: 3.9...
Số bài thi: ...3.9...
Số tờ giấy thi:.....

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2122180088	Lưu Văn	Thư	07/11/2004	CCQ2218C			9.0	8.5	8.7
30	2122180039	Trần Văn	Tiến	05/11/2004	CCQ2218B			8.0	9.0	8.6
31	2122180049	Lê Văn	Tính	29/12/2004	CCQ2218B			7.0	8.0	7.6
32	2122180030	Huỳnh Minh	Toàn	20/10/2004	CCQ2218A			9.0	9.0	9.0
33	2122180055	Nguyễn Tấn	Trung	16/07/2004	CCQ2218B			10.0	9.0	9.4
34	2122180010	Hà Hữu	Truyền	13/05/2002	CCQ2218A			10.0	9.0	9.4
35	2122180022	Nguyễn Hoàng	Tú	26/02/2004	CCQ2218A			8.5	8.5	8.5
36	2122180059	Báo Văn Anh	Tuấn	22/06/2004	CCQ2218B			9.0	9.0	9.0
37	2122180018	Nguyễn Nghi	Văn	06/04/2004	CCQ2218A			8.0	9.0	8.6
38	2122180033	Nguyễn Thành	Vạn	19/02/2004	CCQ2218A			8.0	9.0	8.6
39	2122180058	Lê Hùng	Vương	12/08/2004	CCQ2218B			10.0	9.0	9.4

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22832402] - Thực tập hệ thống
điều hòa không khí trung tâm (CCQ2218C)

Số SV có mặt: 28...

Số bài thi:28....

CBGD: BỘ MÔN ĐIỆN LẠNH (TG280096)

Số tờ giấy thi:.....

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1/	2122180072	Nguyễn Quốc Anh	29/11/2003	CCQ2218C			9,5	8,0	8,6
2/	2122180096	Trần Quốc Cường	23/05/2004	CCQ2218C			10	8,5	9,1
3/	2122180100	Lê Trung Đức	25/07/2004	CCQ2218C			10	9,0	9,4
4/	2122180116	Trần Đức Dũng	09/09/2003	CCQ2218D			9,5	8,5	8,9
5/	2122180126	Trần Trung Hải	11/04/2004	CCQ2218D			10	7,5	8,5
6/	2122180119	Trương Minh Hòa	23/11/2004	CCQ2218D			9,0	7,0	7,8
7/	2122180103	Huỳnh Hậu Hữu	09/01/2004	CCQ2218D			9,5	7,5	8,3
8/	2122180094	Phan Tư Khoa	05/06/2004	CCQ2218C			10	8,0	8,8
9/	2122180069	Võ Đăng Khoa	17/04/2004	CCQ2218C			10	9,0	9,4
10/	2122180082	Văn Thành Long	10/12/2004	CCQ2218C			9,0	9,0	9,0
11/	2122180086	Trương Bá Luận	15/02/2004	CCQ2218C			9,5	8,0	8,6
12/	2122180085	Lê Xuân Lực	04/07/2004	CCQ2218C			10	9,0	9,4
13/	2122180083	Nguyễn Văn Minh	21/05/2004	CCQ2218C			10	9,0	9,4
14/	2122180081	Hồ Đỗ Trung Nguyên	05/07/2004	CCQ2218C			10	9,0	9,4
15/	2122180123	Huỳnh Minh Phát	06/05/2004	CCQ2218D			10	8,5	9,1
16/	2122180127	Lê Quốc Phước	09/08/2004	CCQ2218D			9,5	8,5	8,9
17/	2122180079	Đàng Lưu Sữ	22/02/2001	CCQ2218C			9,5	7	8,0
18/	2122180102	Nguyễn Đình Tài	15/02/2004	CCQ2218D			10	9,0	9,4
19/	2122180075	Trần Văn Tâm	30/05/2004	CCQ2218C			8,5	8,5	8,5
20/	2122180131	Bùi Lê Hương Thiện	31/01/2004	CCQ2218D			10	8,5	9,1
21/	2122180089	Nguyễn Văn Thịnh	26/05/2004	CCQ2218C			9,5	7	8,0
22/	2122180091	Trương Quốc Tiếng	08/10/2004	CCQ2218C			10	9,0	9,4
23/	2122180124	Nguyễn Thái Toàn	09/02/2004	CCQ2218D			9,0	9,0	9,0
24/	2122180114	Lê Minh Trí	19/08/2004	CCQ2218D			9,5	9,0	9,2
25/	2122180125	Phạm Minh Trường	23/11/2000	CCQ2218D			9,0	8,0	8,4
26/	2122180113	Tăng Văn Trường	29/10/2004	CCQ2218D			9,0	7,5	8,1
27/	2122180092	Phan Thái Tú	20/06/2004	CCQ2218C			10	9,0	9,4
28/	2122180077	Thập Văn Anh Vũ	02/04/2004	CCQ2218C			10	9,0	9,4

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22832403] - Thực tập hệ thống
điều hòa không khí trung tâm (CCQ2218LA)

Số SV có mặt: 9.....

Số bài thi: 9.....

CBGD: BỘ MÔN ĐIỆN CÔNG NGHIỆP (TG28 Số tờ giấy thi:.....)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122180120	Nguyễn Đình Cường	16/03/2004	CCQ2218LA			10	8,0	8,8
2	2122180108	Nguyễn Tiến Đạt	16/12/2003	CCQ2218LA			10	8,0	8,8
3	2122180107	Nguyễn Anh Gun	26/07/2003	CCQ2218LA			10	8,0	8,8
4	2122180087	Nguyễn Vũ Hà	08/02/2004	CCQ2218LA					
5	2122180112	Nguyễn Hữu Hội	16/10/2003	CCQ2218LA			10	8,0	8,8
6	2122180121	Nguyễn Đình Lai	14/02/2004	CCQ2218LA			10	8,0	8,8
7	2122180105	Hồng Tuấn Lộc	01/05/2004	CCQ2218LA			10	8,0	8,8
8	2122180050	Vũ Bắc Trung	03/05/2004	CCQ2218LA			10	8,0	8,8
9	2122180109	Đình Huy Phước	10/03/2003	CCQ2218LA			10	8,0	8,8
10	2122180104	Nguyễn Ngọc Tư	27/11/2003	CCQ2218LA			10	8,0	8,8

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22820802] - Chuyên đề thực tế tại
doanh nghiệp (Nhiệt lạnh) (CCQ2218C)

CBGD: Nguyễn Đức Nhơn (280018)

Số SV có mặt: 28.

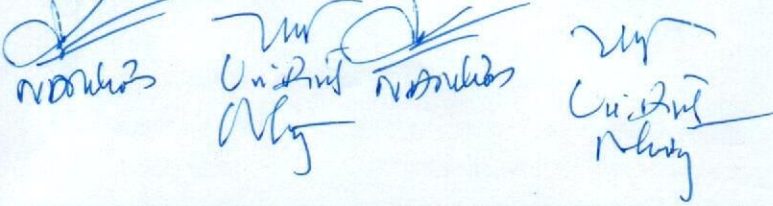
Số bài thi: 28.

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122180072	Nguyễn Quốc Anh	29/11/2003	CCQ2218C			9,5	8,0	8,6
2	2122180096	Trần Quốc Cường	23/05/2004	CCQ2218C			10	8,5	9,1
3	2122180100	Lê Trung Đức	25/07/2004	CCQ2218C			10	9	9,4
4	2122180116	Trần Đức Dũng	09/09/2003	CCQ2218D			9,5	8,5	8,9
5	2122180126	Trần Trung Hải	11/04/2004	CCQ2218D			10	7,5	8,5
6	2122180119	Trương Minh Hòa	23/11/2004	CCQ2218D			9,0	7	7,8
7	2122180103	Huỳnh Hậu Hữu	09/01/2004	CCQ2218D			9,5	7,5	8,3
8	2122180094	Phan Tư Khoa	05/06/2004	CCQ2218C			10	8	8,8
9	2122180069	Võ Đăng Khoa	17/04/2004	CCQ2218C			10	9	9,4
10	2122180082	Văn Thành Long	10/12/2004	CCQ2218C			9,0	9,0	9,0
11	2122180086	Trương Bá Luận	15/02/2004	CCQ2218C			9,5	8,0	8,6
12	2122180085	Lê Xuân Lực	04/07/2004	CCQ2218C			10	9	9,4
13	2122180083	Nguyễn Văn Minh	21/05/2004	CCQ2218C			10	9	9,4
14	2122180081	Hồ Đỗ Trung Nguyên	05/07/2004	CCQ2218C			10	9	9,4
15	2122180123	Huỳnh Minh Phát	06/05/2004	CCQ2218D			10	8,5	9,1
16	2122180127	Lê Quốc Phước	09/08/2004	CCQ2218D			9,5	8,5	8,9
17	2122180079	Đàng Lưu Sứa	22/02/2001	CCQ2218C			9,5	7	8,0
18	2122180102	Nguyễn Đình Tài	15/02/2004	CCQ2218D			10	9	9,4
19	2122180075	Trần Văn Tâm	30/05/2004	CCQ2218C			8,5	8,5	8,5
20	2122180131	Bùi Lê Hương Thiện	31/01/2004	CCQ2218D			10	8,5	9,1
21	2122180089	Nguyễn Văn Thịnh	26/05/2004	CCQ2218C			9,5	7	8,0
22	2122180088	Lưu Văn Thư	07/11/2004	CCQ2218C			9,0	8,5	8,7
23	2122180091	Trương Quốc Tiếng	08/10/2004	CCQ2218C			10	9	9,4
24	2122180124	Nguyễn Thái Toàn	09/02/2004	CCQ2218D			9	9	9,0
25	2122180114	Lê Minh Trí	19/08/2004	CCQ2218D			9,5	9	9,2
26	2122180125	Phạm Minh Trường	23/11/2000	CCQ2218D			9	8	8,4
27	2122180113	Tăng Văn Trường	29/10/2004	CCQ2218D			9	7,5	8,1
28	2122180092	Phan Thái Tú	20/06/2004	CCQ2218C			10	9	9,4

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2



Môn học : [22820802] - Chuyên đề thực tế tại
doanh nghiệp (Nhiệt lạnh) (CCQ2218C)
CBGD: Nguyễn Đức Nhơn (280018)

Số SV có mặt: 28
Số bài thi: 28
Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2122180077	Thập Văn Anh	Vũ	02/04/2004	CCQ2218C		10	9	9,4

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22820803] - Chuyên đề thực tế tại
doanh nghiệp (Nhiệt lạnh) (CCQ2218LA)

CBGD: Nguyễn Đức Nhơn (280018)

Số SV có mặt:.....

Số bài thi:
Số tờ giấy thi:.....

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122180120	Nguyễn Đình Cường	16/03/2004	CCQ2218LA			10	8	8,8
2	2122180108	Nguyễn Tiến Đạt	16/12/2003	CCQ2218LA			10	8	8,8
3	2122180107	Nguyễn Anh Gun	26/07/2003	CCQ2218LA			10	8	8,8
4	2122180112	Nguyễn Hữu Hội	16/10/2003	CCQ2218LA			10	8	8,8
5	2122180121	Nguyễn Đình Lai	14/02/2004	CCQ2218LA			10	8	8,8
6	2122180105	Hồng Tuấn Lộc	01/05/2004	CCQ2218LA			10	8	8,8
7	2122180050	Vũ Bắc Trung Nam	03/05/2004	CCQ2218LA			10	8	8,8
8	2122180109	Đinh Huy Phước	10/03/2003	CCQ2218LA			10	8	8,8
9	2122180104	Nguyễn Ngọc Tư	27/11/2003	CCQ2218LA			10	8	8,8